TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2025/DS-ST.
Ngày: 26-9-2025.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A Đại lộ Bình D, khu phố Chánh L, phường Chánh M, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố Chánh L, phường Chánh H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị Bích T2, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp Đồng T, xã Phước S, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương (nay là xã Phước T, Thành phố Hồ Chí Minh); đia chỉ liên hệ: Số C, khu phố Bình Q, phường Bình C, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thuận G, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hương T1 (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2025). Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng L, sinh năm 1992; địa chỉ: Số D, tổ E, khu F, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu Hiệp T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 và quá trình giải quyết, bà Dương Thị Bích T2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị Hương T1 và ông Nguyễn Hùng L có mối quan hệ quen biết. Ngày 18/6/2023, bà T1 có cho ông L vay số tiền là 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất vay. Việc vay tiền hai bên có làm giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2023 có nội dung ông L có mượn của bà T1 số tiền là 18.000.000 đồng, cam kết đến ngày 18/7/2023 sẽ trả hết số tiền vay cho bà T1, nếu không đúng hẹn thì ông L cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật. Giấy mượn tiền ngày 18/6/2023 do ông L viết, ký tên, lăn tay và được lập thành 01 bản chính, do bà T1 giữ. Việc vay tiền không có thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Sau khi ông L viết giấy mượn tiền, bà T1 đã trực tiếp giao số tiền 18.000.000 đồng cho ông L tại nhà bà T1.

Tuy nhiên, đến ngày 18/7/2023, ông L không chịu hoàn trả số tiền đã vay cho bà T1. Bà T1 đã nhiều lần yêu cầu ông L trả số tiền 18.000.000 đồng đã vay, nhưng ông L không thực hiện. Nay bà Nguyễn Thị Hương T1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hùng L phải hoàn trả cho bà T1 toàn bộ số tiền vay 18.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày 18/6/2025 là 23 tháng x 0,83%/tháng x 18.000.000 đồng = 3.436.200 đồng. Tổng số tiền ông L phải trả cho bà T1 là 21.436.200 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Hùng L tại nơi cư trú, lý do ông L không có mặt tại địa chỉ trên và không có ai nhận thay văn bản. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Thủ Dầu Một xác định ông Nguyễn Hùng L, sinh năm 1992 có hộ khẩu thường trú tại Số D, tổ E, khu F, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu Hiệp T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông L theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường T và trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Ngày 20/8/2025, nguyên đơn có văn bản xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng L về việc tranh chấp

hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Nguyễn Hùng L thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hương T1 tổng số tiền là 21.436.200 đồng; trong đó: số tiền nợ gốc là 18.000.000 đồng và tiền lãi là 3.436.200 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hùng L phải thanh toán số tiền vay còn nợ và tiền lãi nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Hùng L có địa chỉ cư trú tại phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Ngày 20/8/2025, bà Dương Thị Bích T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về số tiền gốc:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 18.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện đối với bị đơn là giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2023. Nội dung giấy mượn tiền thể hiện ông Nguyễn Hùng L có vay của bà Nguyễn Thị Hương T1 số tiền là 18.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền cho bà T1 là ngày 18/7/2023, không thỏa thuận lãi suất vay. Đến 18/7/2023, ông L vẫn chưa thanh toán tiền vay cho bà T1. Bà T1 đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại số tiền đã vay, nhưng ông L vẫn không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Về phía bị đơn ông Nguyễn Hùng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông L đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà T1. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Qua xem xét giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2023 có nội dung ông Nguyễn Hùng L vay của bà Nguyễn Thị Hương T1 số tiền là 18.000.000 đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Quá trình vay tiền, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ đối với nguyên đơn. Căn

cứ quy định tại các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là 18.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 18/7/2023 đến 18/6/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể số tiền là 3.436.200 đồng.

Qua xem xét giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2023 ghi nhận thời hạn vay tiền là một tháng, không ghi nhận lãi suất vay. Như vậy, việc vay tiền giữa ông L và bà T1 thuộc trường hợp vay không có lãi.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như sau:

"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."

Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày 18/6/2025 là 23 tháng là phù hợp quy định và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 3.436.200 đồng.

[4] Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 18.000.000 + 3.436.200 đồng = 21.436.200 đồng.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ các Điều 429, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Ông Nguyễn Hùng L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hương T1 tổng số tiền là 21.436.200 đồng (Hai mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng); trong đó: số tiền nợ gốc là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2023 và tiền lãi là 3.436.200 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì người được thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hùng L phải phải chịu số tiền 1.071.810 đồng (Một triệu không bảy mươi mốt nghìn tám trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hương T1 số tiền 536.000 đồng (Năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu số BLTU/24/0003965 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A).

4. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực A - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung